



Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG
Ngày ký: 26-05-2026
10:01:24 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **47** /2026/TT-BQP

Hà Nội, ngày **15** tháng **5** năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định một số tiêu chuẩn quân trang, trang phục của quân nhân, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng, thiếu sinh quân, học sinh năng khiếu, quân nhân dự bị, học viên đào tạo sĩ quan dự bị; tiêu chuẩn nhu yếu phẩm của nhà khách và người làm công tác nuôi quân trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 19/2008/QH12, Luật số 72/2014/QH13, Luật số 48/2019/QH14, Luật số 52/2024/QH15, Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng số 98/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự số 78/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2019/QH14, Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lực lượng dự bị động viên số 53/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 79/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động quân nhân dự bị, học viên đào tạo sĩ quan dự bị; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 209/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 02/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức vật chất hậu cần trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định một số tiêu chuẩn quân trang, trang phục của quân nhân, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng, thiếu sinh quân, học sinh năng khiếu, quân nhân dự bị, học viên đào tạo sĩ quan dự bị; tiêu chuẩn nhu yếu phẩm của nhà khách và người làm công tác nuôi quân trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định một số tiêu chuẩn, định mức quân trang của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, học viên quân sự (sau đây viết gọn là quân nhân); công chức, công nhân, viên chức quốc phòng, thiếu sinh quân, học

sinh năng khiếu, quân nhân dự bị, học viên đào tạo sĩ quan dự bị; tiêu chuẩn nhu yếu phẩm của nhà khách và người làm công tác nuôi quân trong Quân đội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang hưởng lương, phụ cấp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc các cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng.

2. Quân nhân dự bị, học viên đào tạo sĩ quan dự bị trong thời gian huấn luyện, đào tạo tại các đơn vị trong Quân đội.

3. Thiếu sinh quân, học sinh năng khiếu đang đào tạo tại các học viện, nhà trường Quân đội.

4. Các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Tiêu chuẩn quân trang huấn luyện của quân nhân dự bị, học viên đào tạo sĩ quan dự bị

1. Quân nhân dự bị và học viên đào tạo sĩ quan dự bị trong thời gian huấn luyện tại các đơn vị trong Quân đội được bảo đảm tiêu chuẩn quân trang theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với những đơn vị nằm trong vùng rét khi huấn luyện vào mùa rét thì được bảo đảm áo sơ mi dài tay thay thế áo sơ mi ngắn tay.

3. Hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành nghĩa vụ quân sự được giữ lại đào tạo sĩ quan dự bị, khi hoàn thành khóa học được bảo đảm áo sơ mi ngắn tay và quần dài sĩ quan thay thế bộ quần áo thường phục ra quân.

Điều 4. Tiêu chuẩn quân trang dự lễ của học viên quân sự

Hạ sĩ quan, binh sĩ là học viên đào tạo sĩ quan, học viên đào tạo đại học văn bằng 2 tại các học viện, nhà trường trong Quân đội; hạ sĩ quan, binh sĩ học tại các học viện, nhà trường ngoài Quân đội trong nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền (tốt nghiệp ra trường phong quân hàm sĩ quan) được bảo đảm tiêu chuẩn quân trang dự lễ theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Riêng đối với học viên đào tạo sĩ quan, học viên đào tạo đại học văn bằng 2 thuộc Quân chủng Hải quân được cấp thêm 01 đôi bút tất màu trắng.

Điều 5. Tiêu chuẩn trang phục của thiếu sinh quân, học sinh năng khiếu đang đào tạo tại các học viện, nhà trường trong Quân đội

Thiếu sinh quân, học sinh năng khiếu đang đào tạo tại các học viện, nhà trường trong Quân đội được bảo đảm tiêu chuẩn trang phục theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Tiêu chuẩn quân trang, trang phục đi học ở nước ngoài

Quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đi học ở

nước ngoài được bảo đảm tiêu chuẩn quân trang, trang phục theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Trong đó:

1. Đối với học viên học dài hạn ở nước ngoài thường xuyên mặc quân phục Quân đội nhân dân Việt Nam

a) Trước khi đi học bảo đảm một lần tiêu chuẩn quân trang của 02 năm đầu gồm các mặt hàng theo danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và không bảo đảm tiêu chuẩn quân trang thường xuyên theo tiêu chuẩn hiện hành trong nước từ năm tiếp theo đến hết năm về nước.

b) Từ năm thứ 03 trở đi bảo đảm tiêu chuẩn sau:

Đối với học viên đi học ở các nước thuộc vùng khí hậu lạnh mỗi năm bảo đảm tiếp: 01 suất quân phục đông sĩ quan, 01 đôi giày da, 03 đôi bít tất, 03 khăn mặt, 03 suất quần áo lót, 01 đôi cấp hiệu học viên sĩ quan đồng bộ, 01 đôi phù hiệu đồng bộ và các mặt hàng khác đến niên hạn.

Đối với học viên đi học ở các nước thuộc vùng không lạnh mỗi năm được bảo đảm các mặt hàng trên, chỉ khác thay 01 suất quân phục đông sĩ quan bằng 01 suất quân phục hè sĩ quan.

Đối với học viên đi học ở các nước thuộc vùng khí hậu lạnh và không lạnh mỗi năm bảo đảm tiếp: 01 suất quân phục đông sĩ quan hoặc 01 suất quân phục hè sĩ quan, 01 đôi giày da, 03 đôi bít tất, 03 khăn mặt, 03 suất quần áo lót, 01 đôi cấp hiệu học viên sĩ quan đồng bộ, 01 đôi phù hiệu đồng bộ và các mặt hàng khác đến niên hạn.

c) Học viên học dài hạn dưới 02 năm khi về nước từ năm thứ 03 bảo đảm quân trang theo tiêu chuẩn hiện hành trong nước;

2. Đối với học viên học ngắn hạn ở nước ngoài thường xuyên mặc quân phục Quân đội nhân dân Việt Nam

Trước khi đi học bảo đảm đủ tiêu chuẩn quân trang thường xuyên theo tiêu chuẩn hiện hành (hạ sĩ quan, binh sĩ không cấp quân phục chiến sĩ và giày vải cao cổ), ngoài ra bảo đảm thêm các mặt hàng theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này để sử dụng trong cả khoá học.

3. Đối với học viên học dài hạn ở các nước mặc thường phục và các nước chỉ mặc quân phục Quân đội nhân dân Việt Nam những ngày lễ, tết của Việt Nam

a) Đối với học viên học ở các nước chỉ mặc quân phục Quân đội nhân dân Việt Nam những ngày lễ, tết của Việt Nam

Trước khi đi học được bảo đảm một lần tiêu chuẩn quân trang, trang phục của 02 năm đầu gồm các mặt hàng theo danh mục quy định tại Tiểu mục A Mục IV Phụ lục IV của Thông tư này và không bảo đảm tiêu chuẩn hiện hành trong nước từ năm tiếp theo đến hết năm về nước.

Từ năm thứ 03 trở đi, bảo đảm tiêu chuẩn quân trang, trang phục thường xuyên hàng năm theo niên hạn tại Tiết 2 Tiểu mục A Mục IV Phụ lục IV của

Thông tư này bằng phương thức quy đổi thành tiền theo giá quy định của cấp có thẩm quyền.

b) Đối với học viên học ở các nước mặc thường phục được bảo đảm tiêu chuẩn quân trang, trang phục bằng phương thức quy đổi thành tiền theo giá quy định của cấp có thẩm quyền:

Trước khi đi học được bảo đảm một lần tiêu chuẩn quân trang, trang phục của 02 năm đầu theo quy định tại Tiêu mục B Mục IV Phụ lục IV của Thông tư này.

Từ năm thứ 03 trở đi, bảo đảm tiêu chuẩn quân trang, trang phục theo niên hạn quy định tại Tiêu mục B Mục IV Phụ lục IV của Thông tư này.

c) Học viên học dài hạn dưới 02 năm khi về nước từ năm thứ 03 bảo đảm quân trang theo tiêu chuẩn hiện hành trong nước

4. Đối với học viên học ngắn hạn ở các nước mặc thường phục và những nước chỉ mặc quân phục Quân đội nhân dân Việt Nam những ngày lễ, tết của Việt Nam

a) Đối với học viên học ở những nước chỉ mặc quân phục Quân đội nhân dân Việt Nam những ngày lễ, tết của Việt Nam bảo đảm tiêu chuẩn quân trang, trang phục theo quy định tại Tiêu mục A Mục IV Phụ lục IV của Thông tư này.

b) Đối với học viên học ở các nước mặc thường phục bảo đảm tiêu chuẩn quân trang, trang phục theo quy định tại Tiêu mục B Mục IV Phụ lục IV của Thông tư này bằng phương thức quy đổi thành tiền theo giá quy định của cấp có thẩm quyền.

5. Bảo đảm tiêu chuẩn quân trang của học viên đi học ở nước ngoài

a) Những mặt hàng yêu cầu mang mặc chính quy đối với các đối tượng đi học ở những nước phải mang mặc quân phục Quân đội nhân dân Việt Nam được bảo đảm bằng hiện vật.

b) Những mặt hàng không yêu cầu mang mặc chính quy đối với các đối tượng đi học ở những nước phải mang mặc quân phục Quân đội nhân dân Việt Nam được bảo đảm bằng tiền theo giá quy định của cấp có thẩm quyền.

c) Đối tượng hạ sĩ quan, binh sĩ học ngắn hạn được bảo đảm 01 suất lễ phục đồng bộ bao gồm: 01 bộ lễ phục, 01 áo sơ mi trắng, 01 mũ kê pi sĩ quan, quân hiệu và 01 dây chiến thắng, trường hợp không đủ điều kiện tốt nghiệp trở thành sĩ quan thì thu lại lễ phục, mũ kê pi sĩ quan và dây chiến thắng.

d) Trường hợp học viên học ở các nước được bạn bảo đảm mặc thì không bảo đảm tiêu chuẩn quân trang thường xuyên.

e) Trường hợp học viên học ở các nước được bạn bảo đảm mặc một phần thì được bảo đảm những mặt hàng còn thiếu.

g) Trường hợp học viên ở những nước không được bạn bảo đảm mặc thì hằng năm được bảo đảm tiêu chuẩn quân trang thường xuyên.

6. Trường hợp học viên tốt nghiệp khóa học, có quyết định học chuyên tiếp lên bậc học cao hơn được bảo đảm tiêu chuẩn quân trang, trang phục theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 7. Tiêu chuẩn quân trang của Tùy viên quốc phòng

1. Sĩ quan là Tùy viên quốc phòng Việt Nam ở nước ngoài trong một nhiệm kỳ (03 năm):

a) Được bảo đảm hiện vật tiêu chuẩn quân trang theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Được bảo đảm bằng phương thức quy đổi thành tiền theo giá quy định của cấp có thẩm quyền theo tiêu chuẩn hiện hành 03 năm đối với các mặt hàng: quần, áo lót; khăn mặt; dép nhựa;

c) Không được hưởng tiêu chuẩn quân trang thường xuyên hằng năm ở trong nước.

2. Trường hợp quân trang của sĩ quan trong nước thay đổi thì quân trang của Tùy viên quốc phòng cũng được áp dụng thay đổi tương ứng.

Điều 8. Tiêu chuẩn quân trang của sĩ quan được thăng quân hàm cấp tướng lần đầu; quân nhân được điều động thuyên chuyển công tác

Sĩ quan được thăng quân hàm cấp tướng lần đầu; quân nhân đang tại ngũ khi được điều động thuyên chuyển, bổ nhiệm công tác đến đơn vị mới có quy định mang mặc khác kiểu dáng, màu sắc được bảo đảm tiêu chuẩn quân trang theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Tiêu chuẩn quân trang khi từ trần

Quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng từ trần được bảo đảm tiêu chuẩn quân trang theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Tiêu chuẩn trang phục và nhu yếu phẩm của nuôi quân

1. Quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng trực tiếp làm nhiệm vụ nấu ăn và phục vụ (viết gọn là nuôi quân) bao gồm: Bếp trưởng, quản lý, tiếp phẩm, thủ kho, nhân viên, chiến sĩ nuôi quân tại các cơ quan, đơn vị trong Quân đội có tổ chức bếp ăn tập trung được bảo đảm tiêu chuẩn trang phục và nhu yếu phẩm theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tỷ lệ phục vụ của nuôi quân để tính tiêu chuẩn trang phục và nhu yếu phẩm như sau:

a) Bếp tiểu đoàn bộ binh đủ quân: 01 nuôi quân phục vụ 25 người ăn;

b) Bếp tiểu đoàn quân binh chủng: 01 nuôi quân phục vụ 20 người ăn;

c) Bếp đại đội: 01 nuôi quân phục vụ 20 người ăn;

d) Bếp phi công, tàu ngầm: 01 nuôi quân phục vụ 05 người ăn;

đ) Bếp bệnh viện phục vụ thương bệnh binh: 01 nuôi quân phục vụ 14 người ăn;

e) Bếp bệnh viện phục vụ thương bệnh binh đặc biệt: 01 nuôi quân phục vụ 07 người ăn;

g) Các bếp tàu, đài, trạm, tổ đội nhỏ lẻ còn lại: 01 nuôi quân phục vụ 10 người ăn.

3. Các bếp ăn có quân số ăn tương đương bếp tiểu đoàn bộ binh đủ quân, tiểu đoàn quân binh chủng, bếp đại đội và bếp tàu, đài, trạm, tổ đội tỷ lệ phục vụ được áp dụng tương ứng.

Điều 11. Tiêu chuẩn quân trang dùng chung và nhu yếu phẩm của nhà khách

Nhà khách của các đơn vị trong Quân đội được cấp có thẩm quyền quyết định xây dựng, tiêu chuẩn quân trang dùng chung và nhu yếu phẩm được bảo đảm theo quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

Hằng năm, các đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức quy định, lập dự toán gửi về Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng, Cục Quân nhu/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật để tổng hợp, thẩm định trình Thủ trưởng Bộ Quốc phòng. Trên cơ sở dự toán ngân sách được Bộ Quốc phòng giao, các đơn vị tổ chức khai thác tạo nguồn, cấp phát theo đúng quy định.

Điều 12. Phân vùng khí hậu theo lãnh thổ quốc gia

1. Các nước thuộc vùng khí hậu lạnh gồm: Các nước thuộc SNG (Nga, Ukraina, Belarus, Azerbaijan); các nước Bắc Âu (Đan Mạch, Thụy Điển, Na Uy, Phần Lan, Iceland); các nước Đông Âu (Ba Lan, Bulgari, Romania, Hungary, Slovakia, Croatia, Slovenia, Macedonia, Bosnia, Herzegovina, Serbia, Montenegro, Albania); các nước Bắc Mỹ (Canada, Hoa Kỳ, Mexico, Costa Rica, Panama, Haiti, Jamaica, Nicaragua).

2. Các nước không thuộc vùng khí hậu lạnh gồm: Kyrgyzstan, Tajikistan, Uzbekistan, Turkmenistan; các nước Trung và Nam Á (Campuchia, Singapore, Malaysia, Philippines, Indonesia, Bangladesh); các nước Trung và Nam Mỹ (Cuba, Argentina, Bolivia, Brazil, Colombia, Ecuador, Uruguay); Ai Cập và các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE).

3. Các nước và vùng lãnh thổ thuộc cả vùng khí hậu lạnh và không lạnh gồm: Các nước Trung và Nam Âu (Pháp, Đức, Ba Lan, Áo, Thụy Sĩ, Bỉ, Italia, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Croatia, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ); Vương quốc Anh; các nước Châu Á, Thái Bình Dương (Myanma, Pakistan, Kuwait, Kazakhstan, Qatar, Iraq, Bangladesh, Syria, Oman, Sri Lanka, Brunei, Nepal, Afghanistan, Ả Rập Saudi, Iran, Thái Lan, Israel, Lào, Trung Quốc, CHDCND Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông, Hawaii thuộc Hoa Kỳ, Australia, New Zealand, Ấn Độ, Mông cổ); Chile.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thông tư số 38/2017/TT-BQP ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định một số tiêu chuẩn quân trang của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, lực lượng dự bị động viên và tiêu chuẩn nhu

yếu phẩm của người làm công tác nuôi quân trong Quân đội hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 109/2019/TT-BQP ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn quân trang dự lễ của học viên đào tạo sĩ quan và quân trang tăng thêm của học viên đào tạo hạ sĩ quan, nhân viên chuyên môn kỹ thuật.

4. Các mặt hàng quân nhu có niên hạn sử dụng trên 01 (một) năm đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực, được cấp lại khi hết niên hạn sử dụng theo quy định tại Thông tư này.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

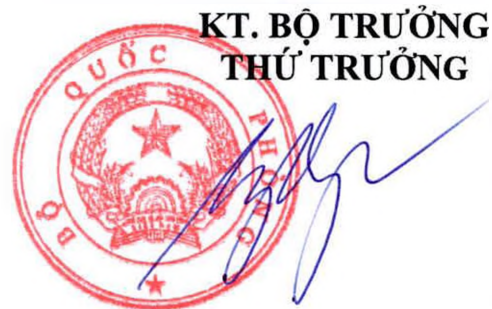
1. Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Cục trưởng Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Hằng năm, trên cơ sở quân số kế hoạch của Bộ Tổng Tham mưu và tiêu chuẩn, niên hạn quy định, các cơ quan, đơn vị lập dự toán gửi về Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật (qua Cục Quân nhu) để bảo đảm.

3. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Cục Quân nhu/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật) đề tổng hợp, báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo BQP;
- BTTM, TCCT;
- TC HC-KT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- C20, C79, C41, C55, C34;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, NCTH....



Thượng tướng Nguyễn Quang Ngọc

Phụ lục I
TIÊU CHUẨN QUÂN TRANG HUẤN LUYỆN CỦA QUÂN NHÂN DỰ BỊ VÀ
HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN DỰ BỊ

(Ban hành kèm theo Thông tư số **47** /2026/TT-BQP ngày **25** /**15** /2026
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

A. TIÊU CHUẨN QUÂN TRANG HUẤN LUYỆN CỦA QUÂN NHÂN DỰ BỊ
TỪ HẠNG 2 LÊN HẠNG 1 VÀ HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN DỰ BỊ CÓ
THỜI GIAN HUẤN LUYỆN TỪ 03 THÁNG ĐẾN 01 NĂM

TT	Mặt hàng	ĐVT	Quân nhân dự bị		Học viên đào tạo sĩ quan dự bị			Ghi chú
			Hạng 2 lên hạng 1	Vòng huấn luyện	Tiêu chuẩn		Vòng huấn luyện	
					Hạ sĩ quan, binh sĩ	Sinh viên		
1	Quân phục hạ sĩ quan, binh sĩ	Bộ	02	02		02	02	
2	Áo sơ mi ngắn tay	Cái			01		01	
3	Quần dài sĩ quan	Cái			01		01	
4	Quần, áo lót	Suất	02	01		02	01	
5	Mũ cứng + Quân hiệu	Cái	01	02		01	02	
6	Giày vải	Đôi	02	01		02	01	
7	Đép nhựa	Đôi	01	01		01	01	
8	Khăn mặt	Cái	01	01		01	01	
9	Bít tất	Đôi	02	01		02	01	
10	Ba lô + Túi lót	Cái	01	03		01	03	
11	Mũ mềm dã chiến + Quân hiệu	Cái	01	02		01	02	
12	Màn cá nhân	Cái	01	03		01	03	
13	Chiều cá nhân	Cái	01	02		01	02	
14	Vỏ chăn cá nhân	Cái	01	03		01	03	
15	Gối cá nhân	Cái	01	03		01	03	
16	Dây lưng	Cái	01	03		01	03	
17	Dây đeo trang bị	Cái	01	05		01	05	
18	Tấm ni lon mưa	Tấm	01	01		01	01	
19	Phù hiệu kết hợp cấp hiệu (đồng bộ)	Đôi	01	02		01	02	

**B. TIÊU CHUẨN QUÂN TRANG HUẤN LUYỆN CỦA QUÂN NHÂN DỰ BỊ
CÓ THỜI GIAN HUẤN LUYỆN DƯỚI 60 NGÀY**

TT	Mặt hàng	ĐVT	Thời gian huấn luyện dưới 31 ngày		Thời gian huấn luyện từ 31 ngày đến 60 ngày		Ghi chú
			Tiêu chuẩn	Vòng huấn luyện	Tiêu chuẩn	Vòng huấn luyện	
I	QUÂN TRANG CẤP CÁ NHÂN						
1	Quần, áo lót	Suất	02		02		
2	Khăn mặt	Cái	01		01		
3	Bít tất	Đôi	02		02		
II	QUÂN TRANG DÙNG CHUNG						
1	Quân phục	Bộ	02	03	02	03	
2	Giày vải	Đôi	02	03	02	02	
3	Dép nhựa	Đôi	01	03	01	02	
4	Chiếu cá nhân	Cái	01	03	01	02	
5	Ba lô + Túi lót	Cái	01	04	01	04	
6	Màn cá nhân	Cái	01	04	01	04	
7	Mũ cứng + Quân hiệu	Cái	01	04	01	03	
8	Mũ mềm dã chiến + Quân hiệu	Cái	01	03	01	03	
9	Vỏ chăn cá nhân	Cái	01	04	01	04	
10	Gối cá nhân	Cái	01	04	01	04	
11	Dây lưng	Cái	01	04	01	04	
12	Dây đeo trang bị	Cái	01	05	01	05	
13	Tấm ni lon mưa	Tấm	01	03	01	02	
14	Phù hiệu kết hợp cấp hiệu (đồng bộ)	Đôi	01	03	01	03	

Ghi chú:

- Vòng huấn luyện thay cho niên hạn;
- Các đối tượng khác có thời gian huấn luyện như trên được áp dụng theo tiêu chuẩn này;
- Đơn vị nằm trong vùng rét, khi huấn luyện vào mùa rét được mượn: Ruột chăn bông, áo ấm, đệm nằm và ga bọc đệm nằm.
- 01 suất quần, áo lót gồm: 01 quần, 01 áo và 01 quần sịp.
- Phù hiệu kết hợp cấp hiệu (đồng bộ) gồm: Nền phù hiệu + hình binh chủng + sao, gạch theo cấp bậc quân hàm.
- Nếu là sĩ quan được mượn quân phục sĩ quan; hạ sĩ quan, binh sĩ được mượn quân phục hạ sĩ quan, binh sĩ (quân phục thường dùng, quân phục dã chiến) để huấn luyện.
- Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành nghĩa vụ quân sự giữ lại đào tạo sĩ quan dự bị, khi hoàn thành khóa học bảo đảm áo sơ mi ngắn tay và quần dài sĩ quan thay thế bộ quần áo thường phục ra quân.

Phụ lục II
TIÊU CHUẨN QUÂN TRANG DỰ LỄ CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN
VÀ HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ ĐI HỌC ĐẠI HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG NGOÀI
QUÂN ĐỘI TRONG NƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số **46** /2026/TT-BQP ngày **15** /**5** /2026
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Mặt hàng	ĐVT	Tiêu chuẩn		Niên hạn	Ghi chú
			Năm đầu	Năm thứ 3		
1	Lễ phục	Bộ	02		Cả khoá học	
2	Áo sơ mi trắng dài tay	Cái	02		Cả khoá học	
3	Dây lưng	Cái	01		Cả khoá học	
4	Ca ra vát + Kẹp ca ra vát	Cái	01		Cả khoá học	
5	Phù hiệu, cấp hiệu (đồng bộ)	Bộ	02		Cả khoá học	
6	Mũ kê pi sĩ quan + Quân hiệu	Cái	01		Cả khoá học	
7	Giày da sĩ quan	Đôi	01	01		
8	Dây chiến thắng	Cái	01		Cả khoá học	
9	Biển tên	Cái	01		Cả khoá học	
10	Biểu tượng đeo ngực áo	Cái	01		Cả khoá học	

Ghi chú:

Phù hiệu, cấp hiệu (đồng bộ): 01 đôi nền phù hiệu, 01 đôi hình phù hiệu quân binh chủng, 01 đôi nền cấp hiệu học viên sĩ quan, 01 đôi cúc chốt cấp hiệu.

Riêng đối với học viên đào tạo sĩ quan, học viên đào tạo đại học văn bằng 2 thuộc Quân chủng Hải quân được cấp thêm 01 đôi bút tất màu trắng.

Phụ lục III
TIÊU CHUẨN TRANG PHỤC CỦA THIẾU SINH QUÂN,
HỌC SINH NĂNG KHIẾU ĐANG ĐÀO TẠO TẠI CÁC HỌC VIỆN,
NHÀ TRƯỜNG TRONG QUÂN ĐỘI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 47 /2026/TT-BQP ngày 25 /5 /2026
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Mặt hàng	ĐVT	Tiêu chuẩn			Ghi chú
			Năm đầu	Những năm tiếp theo		
			Số lượng	Số lượng	Niên hạn (Năm)	
I	TRANG PHỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP CHO CÁ NHÂN					
1	Quần áo đông	Bộ	02	01	01	
2	Quần áo hè	Bộ	02	01	01	
3	Quần áo thể dục	Bộ	01	01	01	
4	Quần áo ngoài giờ học tập ¹	Bộ	02	01	01	
5	Quần áo bơi ¹	Bộ	02	01	01	
6	Áo dệt kim dài tay	Cái	02	01	02	
7	Áo ấm ²	Cái	01	01	03	
8	Quần áo mưa	Bộ	01	01	03	
9	Quần, áo lót ³	Suất	03	03	01	
10	Búi tóc ¹	Cái	02	01	01	
11	Khăn mặt	Cái	03	03	01	
12	Bít tất	Đôi	03	03	01	
13	Giày vải thấp cổ	Đôi	01	01	01	
14	Giày vải cao cổ	Đôi	01	01	01	
15	Giày thể thao	Đôi	01	01	01	
16	Dép nhựa	Đôi	01	01	01	
17	Mũ cứng	Cái	01	01	02	
18	Mũ mềm (thiếu sinh quân, học sinh năng khiếu)	Cái	01	01	02	
19	Ba lô + túi lót	Cái	01	01	04	
20	Chiếu cá nhân	Cái	01	01	01	
21	Vỏ chăn cá nhân	Cái	01	01	04	
22	Màn cá nhân	Cái	01	01	04	
23	Gối cá nhân	Cái	01	01	03	
24	Dây lưng ⁴	Cái	01	01	03	
II	TRANG PHỤC CHỐNG RẾT					
1	Mũ chống rết ⁵	Cái	01	01	03	
2	Quần áo dệt kim đông xuân ⁶	Bộ	01	01	01	
3	Ruột chăn bông ⁷	Cái	01	01	04	

TT	Mặt hàng	ĐVT	Tiêu chuẩn			Ghi chú
			Năm đầu	Những năm tiếp theo		
			Số lượng	Số lượng	Niên hạn (Năm)	
III	TRANG BỊ CẤP DÙNG CHUNG					
1	Đệm nằm ⁸	Cái	01	01	04	
2	Ga bọc đệm nằm ⁸	Cái	01	01	02	

Ghi chú:

- Các mặt hàng cấp lần đầu được theo dõi niên hạn sử dụng như quy định tại Phụ lục này.

- (1) Quần áo ngoài giờ học tập, quần áo bơi, búi tóc: Bảo đảm cho nữ.
- (2) Bảo đảm cho các khu vực vùng rét.
- (3) 01 suất quần, áo lót gồm: 01 quần, 01 áo và 01 quần sịp; nữ cấp bằng tiền.
- (4) Dây lưng: Bảo đảm cho nam.
- (5) Mũ chống rét + quân hiệu: Bảo đảm cho khu vực rét đậm, vùng rét 1.
- (6) Quần áo dệt kim đông xuân: Bảo đảm cho các khu vực vùng rét.
- (7) Ruột chăn bông: Đối tượng đào tạo tại khu vực rét đậm được mượn thêm 01 ruột chăn bông.
- (8) Đệm nằm, ga bọc đệm nằm: Bảo đảm cho các khu vực vùng rét.

Phụ lục IV
TIÊU CHUẨN QUÂN TRANG, TRANG PHỤC CỦA QUÂN NHÂN, CÔNG CHỨC,
CÔNG NHÂN VÀ VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG ĐI HỌC Ở NƯỚC NGOÀI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 47 /2026/TT-BQP ngày 15 /5 /2026
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

T T	Mặt hàng	Đ V T	Học viên học dài hạn (Từ 12 tháng trở lên)				Học viên học ngắn hạn (Dưới 12 tháng)		
			Tiêu chuẩn			Niên hạn	Tiêu chuẩn		
			Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp	Hạ sĩ quan, binh sĩ	Công chức, công nhân, viên chức quốc phòng		Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp	Hạ sĩ quan, binh sĩ	Công chức, công nhân, viên chức quốc phòng
I	HỌC VIÊN QUÂN SỰ ĐI HỌC TẬP Ở CÁC NƯỚC THUỘC VÙNG KHÍ HẬU LẠNH, THƯỜNG XUYÊN MẶC QUÂN PHỤC QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM								
1	Lễ phục	Bộ	01	01		03 năm		01	
2	Quân phục đông sĩ quan ¹	Suất	02	02		02 năm		02	
3	Quần áo đông ³	Suất			02	02 năm			
4	Quần, áo dự lễ ⁵	Bộ			01	03 năm			
5	Áo sơ mi trắng dài tay ⁶	Cái	01	01	01	02 năm		01	
6	Quần dài sĩ quan	Cái	02	02		02 năm		01	
7	Quân phục dã chiến	Bộ	02	02		02 năm		01	
8	Áo sơ mi dài tay	Cái	02	02		02 năm		02	
9	Quần, áo lót ⁷	Suất	06	06	06	02 năm			
10	Búi tóc ⁸	Cái	02	02	02	02 năm			
11	Khăn mặt	Cái	06	06	06	02 năm			
12	Giày da	Đôi	02	02	02	02 năm		01	
13	Ghệt dã chiến	Đôi	02	02		02 năm		01	
14	Bít tất	Đôi	06	06	06	02 năm			
16	Áo ấm sĩ quan	Cái	01	01	01	Cả khoá học		01	
17	Áo khoác quân sự	Cái	01	01		Cả khoá học		01	
18	Quần áo mưa	Bộ	01	01	01	03 năm			
19	Mũ kêpi sĩ quan+Quân hiệu	Cái	02	02		Cả khoá học		01	
20	Mũ mềm dã chiến sĩ quan + Quân hiệu	Cái	01	01		02 năm		01	
21	Dây lưng	Cái	01	01	01	02 năm		01	
22	Dây lưng dã chiến	Cái	01	01		Cả khoá học		01	
23	Dây đeo trang bị	Cái	01	01		Cả khoá học		01	
24	Cáp hiệu sĩ quan đồng bộ ⁹	Đôi	02			02 năm			

lv

T T	Mặt hàng	Đ V T	Học viên học dài hạn (Từ 12 tháng trở lên)				Học viên học ngắn hạn (Dưới 12 tháng)		
			Tiêu chuẩn			Niên hạn	Tiêu chuẩn		
			Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp	Hạ sĩ quan, binh sĩ	Công chức, công nhân, viên chức quốc phòng		Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp	Hạ sĩ quan, binh sĩ	Công chức, công nhân, viên chức quốc phòng
25	Cấp hiệu học viên sĩ quan đồng bộ ¹⁰	Đôi		03		02 năm		02	
26	Phù hiệu đồng bộ ¹¹	Đôi	02	03		02 năm		02	
27	Phù hiệu kết hợp cấp hiệu (đồng bộ) ¹²	Đôi	02	02		Cả khoá học		01	
28	Ca ra vát + Kẹp ca ra vát	Cái	02	02	02	Cả khoá học		01	
29	Dây chiến thắng	Cái	01	01		Cả khoá học		01	
30	Biển tên	Cái	01	01	01	02 năm		01	
31	Biểu tượng đeo ngực áo	Cái	01	01		02 năm		01	
32	Ca táp	Cái	01	01	01	Cả khoá học	01	01	01
33	Va-li	Cái	01	01	01	Cả khoá học		01	
34	Áo len	Cái	01	01	01	Cả khoá học	01	01	01
35	Mũ chống rét+Quân hiệu	Cái	01	01	01	Cả khoá học		01	
36	Quần áo dệt kim đông xuân	Bộ	02	02	02	Cả khoá học		01	01
II	HỌC VIÊN QUÂN SỰ ĐI HỌC TẬP Ở CÁC NƯỚC KHÔNG THUỘC VÙNG KHÍ HẬU LẠNH, THƯỜNG XUYỀN MẠC QUÂN PHỤC QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM								
1	Lễ phục	Bộ	01	01		03 năm		01	
2	Áo sơ mi trắng dài tay ⁶	Cái	01	01	01	02 năm		01	
3	Quần, áo dự lễ ⁵	Bộ			01	03 năm			
4	Quân phục hè sĩ quan ²	Suất	02	02		02 năm		01	
5	Quần áo hè ⁴	Suất			02	02 năm			
6	Quân phục dã chiến sĩ quan	Bộ	02	02		02 năm		01	
7	Quần, áo lót ⁷	Suất	06	06	06	02 năm			
8	Búi tóc ⁸	Cái	02	02	02	02 năm			
9	Khăn mặt	Cái	06	06	06	02 năm			
10	Giày da	Đôi	02	02	02	02 năm		01	
11	Ghệt dã chiến sĩ quan	Đôi	02	02		02 năm		01	
12	Bít tất	Đôi	06	06	06	02 năm			
13	Quần áo mưa	Bộ	01	01	01	03 năm			

T T	Mặt hàng	Đ V T	Học viên học dài hạn (Từ 12 tháng trở lên)				Học viên học ngắn hạn (Dưới 12 tháng)		
			Tiêu chuẩn			Niên hạn	Tiêu chuẩn		
			Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp	Hạ sĩ quan, binh sĩ	Công chức, công nhân, viên chức quốc phòng		Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp	Hạ sĩ quan, binh sĩ	Công chức, công nhân, viên chức quốc phòng
14	Mũ kê pi sĩ quan+Quân hiệu	Cái	02	02		Cả khoá học		01	
16	Mũ mềm dã chiến sĩ quan + Quân hiệu	Cái	01	01		02 năm		01	
17	Dây lưng	Cái	01	01	01	02 năm		01	
18	Dây lưng dã chiến	Cái	01	01		Cả khoá học		01	
19	Dây đeo trang bị	Cái	01	01		Cả khoá học		01	
20	Cấp hiệu sĩ quan đồng bộ ⁹	Đôi	02			02 năm			
21	Cấp hiệu học viên sĩ quan đồng bộ ¹⁰	Đôi		03		02 năm		02	
22	Phù hiệu đồng bộ ¹¹	Đôi	02	03		02 năm		02	
23	Phù hiệu kết hợp cấp hiệu (đồng bộ) ¹²	Đôi	02	02		Cả khoá học		01	
24	Ca ra vát + Kẹp ca ra vát	Cái	01	01	01	Cả khoá học		01	
25	Dây chiến thắng	Cái	01	01		Cả khoá học		01	
26	Biển tên	Cái	01	01	01	02 năm		01	
27	Biểu tượng đeo ngực áo	Cái	01	01		02 năm		01	
28	Ca táp	Cái	01	01	01	Cả khoá học	01	01	01
29	Va-li	Cái	01	01	01	Cả khoá học		01	
III	HỌC VIÊN QUÂN SỰ ĐI HỌC TẬP Ở CÁC NƯỚC THUỘC CÁ VÙNG KHÍ HẬU LẠNH VÀ KHÔNG LẠNH, THƯỜNG XUYÊN MẶC QUÂN PHỤC QĐNDVN								
1	Lễ phục	Bộ	02	02		Cả khoá học		01	
2	Quần, áo dự lễ ⁵	Bộ			02	Cả khoá học			
3	Quần phục đông sĩ quan ⁽¹⁾	Suất	01	02		02 năm		02	
4	Quần áo đông ³	Suất			02	02 năm			
5	Quần áo hè ⁴	Suất			01	02 năm			
6	Áo sơ mi trắng dài tay ⁶	Cái	02	02	02	Cả khoá học		01	
7	Quần phục hè sĩ quan ²	Suất	01	01		02 năm		01	

T T	Mặt hàng	Đ V T	Học viên học dài hạn (Từ 12 tháng trở lên)				Học viên học ngắn hạn (Dưới 12 tháng)		
			Tiêu chuẩn			Niên hạn	Tiêu chuẩn		
			Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp	Hạ sĩ quan, binh sĩ	Công chức, công nhân, viên chức quốc phòng		Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp	Hạ sĩ quan, binh sĩ	Công chức, công nhân, viên chức quốc phòng
8	Quân phục dã chiến sĩ quan	Bộ	02	02		02 năm		01	
9	Áo sơ mi dài tay	Cái	01	01		02 năm		02	
10	Quần, áo lót ⁷	Suất	06	06	06	02 năm			
11	Búi tóc ⁸	Cái	02	02	02	02 năm			
12	Khăn mặt	Cái	06	06	06	02 năm			
13	Giày da	Đôi	02	02	02	02 năm		01	
14	Ghệt dã chiến sĩ quan	Đôi	02	02		02 năm		01	
16	Bít tất	Đôi	06	06	06	02 năm			
17	Áo ấm sĩ quan	Cái	01	01	01	03 năm		01	
18	Áo khoác quân sự	Cái	01	01		Cả khoá học		01	
19	Quần áo mưa	Bộ	01	01	01	03 năm			
20	Mũ kêpi sĩ quan + Quân hiệu	Cái	02	02		Cả khoá học		01	
21	Mũ mềm dã chiến sĩ quan + Quân hiệu	Cái	01	01		02 năm		01	
22	Dây lưng	Cái	01	01	01	02 năm		01	
23	Dây lưng dã chiến	Cái	01	01		Cả khoá học		01	
24	Dây đeo trang bị	Cái	01	01		Cả khoá học		01	
25	Cấp hiệu sĩ quan đồng bộ ⁹	Đôi	02			02 năm			
26	Cấp hiệu học viên sĩ quan đồng bộ ¹⁰	Đôi		03		02 năm		02	
27	Phù hiệu đồng bộ ¹¹	Đôi	02	03		02 năm		02	
28	Phù hiệu kết hợp cấp hiệu đồng bộ ¹²	Đôi	02	02		Cả khoá học		01	
29	Ca ra vát + Kẹp ca ra vát	Cái	02	02	02	Cả khoá học		01	
30	Dây chiến thắng	Cái	01	01		Cả khoá học		01	
31	Biển tên	Cái	01	01	01	02 năm		01	
32	Biểu tượng đeo ngực áo	Cái	01	01		02 năm		01	
33	Ca táp	Cái	01	01	01	Cả khoá học	01	01	01
34	Va-li	Cái	01	01	01	Cả khoá học		01	

T T	Mặt hàng	Đ V T	Học viên học dài hạn (Từ 12 tháng trở lên)				Học viên học ngắn hạn (Dưới 12 tháng)		
			Tiêu chuẩn			Niên hạn	Tiêu chuẩn		
			Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghị ệp	Hạ sĩ quan, binh sĩ	Công chức, công nhân, viên chức quốc phòng		Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghị ệp	Hạ sĩ quan, binh sĩ	Công chức, công nhân, viên chức quốc phòng
35	Áo len	Cái	01	01	01	Cả khoá học	01	01	01
36	Mũ chống rét+Quân hiệu	Cái	01	01	01	Cả khoá học		01	01
37	Quần áo dệt kim đông xuân	Bộ	02	02	02	Cả khoá học		01	01

IV HỌC VIÊN QUÂN SỰ ĐI HỌC TẬP Ở CÁC NƯỚC MẠC THƯỜNG PHỤC VÀ NHỮNG NƯỚC CHỈ MẠC QUÂN PHỤC QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM NHỮNG NGÀY LỄ TẾT CỦA VIỆT NAM

TT	Mặt hàng	ĐVT	Học viên học dài hạn (Từ 12 tháng trở lên)				Học viên ngắn hạn (Dưới 12 tháng)		
			Tiêu chuẩn			Niên hạn	Tiêu chuẩn		
			Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghị ệp	Hạ sĩ quan, binh sĩ	Công chức, công nhân, viên chức quốc phòng		Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghị ệp	Hạ sĩ quan, binh sĩ	Công chức, công nhân, viên chức quốc phòng
A	Học viên quân sự đi học tập ở các nước chỉ mặc quân phục Quân đội nhân dân Việt Nam những ngày lễ tết của Việt Nam								
1	Bảo đảm bằng hiện vật								
1.1	Lễ phục	Bộ	01	01		Cả khoá học		01	
1.2	Quần, áo dự lễ ⁵	Bộ			01	Cả khoá học			01
1.3	Áo sơ mi trắng dài tay ⁶	Cái	01	01	01	Cả khoá học		01	01
1.4	Giày da	Đôi	01	01	01	Cả khoá học		01	01
1.5	Bít tất	Đôi	02	02	02	Cả khoá học		01	01
1.6	Mũ kê pi sĩ quan+Quân hiệu	Cái	01	01		Cả khoá học		01	
1.7	Dây lưng	Cái	01	01	01	Cả khoá học		01	
1.8	Cáp hiệu sĩ quan đồng bộ ⁹	Đôi	01			Cả khoá học			


TT	Mặt hàng	ĐVT	Học viên học dài hạn (Từ 12 tháng trở lên)				Học viên ngắn hạn (Dưới 12 tháng)		
			Tiêu chuẩn			Niên hạn	Tiêu chuẩn		
			Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghịệp	Hạ sĩ quan, binh sĩ	Công chức, công nhân, viên chức quốc phòng		Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghịệp	Hạ sĩ quan, binh sĩ	Công chức, công nhân, viên chức quốc phòng
1.9	Cấp hiệu học viên sĩ quan đồng bộ ¹⁰	Đôi		01		Cả khoá học		01	
1.10	Phù hiệu đồng bộ ¹¹	Đôi	01	01		Cả khoá học		01	
1.11	Ca ra vát + kẹp ca ra vát	Cái	01	01	01	Cả khoá học		01	
1.12	Dây chiến thắng	Cái	01	01		Cả khoá học		01	
1.13	Biển tên	Cái	01	01	01	Cả khoá học		01	
1.14	Biểu tượng đeo ngực áo	Cái	01	01		Cả khoá học		01	
1.15	Ca táp	Cái	01	01	01	Cả khoá học	01	01	01
1.16	Va-li	Cái	01	01	01	Cả khoá học		01	
2	Bảo đảm theo phương thức quy đổi thành tiền								
2.1	Complê	Bộ	02	02	02	02 năm	01	01	01
2.2	Giày da	Đôi	02	02	02	02 năm	01	01	01
2.3	Quần áo thường phục	Bộ	02	02	02	02 năm	01	01	01
2.4	Dây lưng	Cái	01	01	01	02 năm	01	01	01
B	Học viên quân sự đi học tập ở các nước thường xuyên mặc thường phục								
1	Complê	Bộ	02	02	02	02 năm	01	01	01
2	Giày da	Đôi	02	02	02	02 năm	01	01	01
3	Quần áo thường phục	Bộ	02	02	02	02 năm	01	01	01
4	Dây lưng	Cái	01	01	01	02 năm	01	01	01
5	Ca táp	Cái	01	01	01	Cả khoá học	01	01	01
6	Va-li	Cái	01	01	01	Cả khoá học		01	

Ghi chú:

(1) 01 suất quân phục đồng sĩ quan gồm: 01 áo khoác + 01 quần + 01 áo chít gấu.

(2) 01 suất quân phục hạ sĩ quan gồm: 02 quần + 02 áo sơ mi.

(3) 01 suất quần áo đồng gồm: 01 áo khoác + 01 quần + 01 áo sơ mi

- (4) 01 suất quần áo hè gồm: 02 quần + 02 áo sơ mi.
- (5) Quần áo dự lễ:
+ 01 bộ quần, áo dự lễ nam gồm: 01 áo khoác + 01 quần;
+ 01 bộ quần áo dự lễ nữ gồm: 01 áo dài truyền thống + 01 quần.
- (6) Đối với công chức, công nhân và viên chức quốc phòng: Bảo đảm cho nam.
- (7) 01 suất quần, áo lót gồm: 01 quần, 01 áo và 01 quần sịp; nữ cấp bằng tiền.
- (8) Búi tóc: Bảo đảm cho nữ.
- (9) Cấp hiệu sĩ quan đồng bộ gồm: Nền cấp hiệu sĩ quan; cúc chốt cấp hiệu; sao, gạch cấp hiệu theo cấp bậc quân hàm.
- (10) Cấp hiệu học viên sĩ quan đồng bộ gồm: Nền cấp hiệu học viên; cúc chốt cấp hiệu.
- (11) Phù hiệu đồng bộ gồm: Nền phù hiệu, hình quân binh chủng.
- (12) Phù hiệu kết hợp cấp hiệu đồng bộ gồm: Nền phù hiệu, hình binh chủng; sao, gạch cấp hiệu theo cấp bậc quân hàm
- 

Phụ lục V
TIÊU CHUẨN QUÂN TRANG CỦA TÙY VIÊN QUỐC PHÒNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 47 /2026/TT-BQP ngày 25 /5 /2026
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

STT	Mặt hàng	ĐVT	Các nước vùng lạnh	Các nước vùng nóng	Các nước vùng nóng, lạnh
1	Lễ phục	Bộ	02	02	02
2	Quân phục đông sĩ quan	Suất	02	01	02
3	Quân phục hè sĩ quan	Suất	01	02	02
4	Quân phục dã chiến sĩ quan	Bộ	02	02	02
5	Áo sơ mi trắng dài tay	Cái	02	02	02
6	Áo sơ mi dài tay	Cái	02	01	02
7	Áo dệt kim dài tay	Cái	02		02
8	Áo khoác quân sự	Cái	01		01
9	Quần áo dệt kim đông xuân	Bộ	02		02
10	Quần áo mưa	Bộ	01	01	01
11	Ca ra vat + Kẹp ca ra vat	Cái	03	03	03
12	Mũ kê pi SQ + Quân hiệu	Cái	01	01	01
13	Mũ mềm dã chiến sĩ quan + Quân hiệu	Cái	02	02	02
14	Mũ bê rê + Quân hiệu	Cái	02	02	02
15	Mũ chống rét + Quân hiệu	Cái	01		01
16	Cáp hiệu đồng bộ	Đôi	03	03	03
17	Phù hiệu đồng bộ	Đôi	03	03	03
18	Phù hiệu kết hợp cáp hiệu (đồng bộ)	Đôi	02	02	02
19	Giày da	Đôi	03	03	03
20	Ghệt dã chiến	Đôi	01	01	01
21	Găng tay	Đôi	01		01
22	Bít tất	Đôi	09	09	09
23	Dây lưng	Cái	02	02	02
24	Dây lưng dã chiến	Cái	01	01	01
25	Dây đeo trang bị	Cái	01	01	01
26	Dây chiến thắng	Cái	01	01	01
27	Biển tên	Cái	01	01	01
28	Biểu tượng đeo ngực áo	Cái	01	01	01
29	Va-li	Cái	01	01	01
30	Cúc áo quân phục đông sĩ quan	Bộ	02	02	02
31	Cúc áo quân phục hè sĩ quan	Bộ	02	02	02

Phụ lục VI
TIÊU CHUẨN QUÂN TRANG CỦA SĨ QUAN ĐƯỢC THĂNG QUÂN HÀM
CẤP TƯỚNG LẦN ĐẦU; QUÂN NHÂN ĐANG TẠI NGŨ KHI ĐƯỢC
ĐIỀU ĐỘNG, BỎ NHIỆM CÔNG TÁC ĐẾN ĐƠN VỊ MỚI
CÓ QUY ĐỊNH MANG MẶC KHÁC KIỂU DÁNG, MÀU SẮC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 47 /2026/TT-BQP ngày 25/5/2026
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	MẶT HÀNG	ĐVT	TIÊU CHUẨN CẤP LẦN ĐẦU
			Số lượng
A	TIÊU CHUẨN QUÂN TRANG ĐỐI VỚI SĨ QUAN ĐƯỢC THĂNG QUÂN HÀM CẤP TƯỚNG LẦN ĐẦU		
I	Quân trang dự lễ		
1	Lễ phục sĩ quan cấp tướng	Bộ	02
2	Mũ kê pi sĩ quan cấp tướng + Quân hiệu	Cái	01
3	Phù hiệu, cấp hiệu cấp tướng (đồng bộ)	Bộ	02
4	Giày da cấp tướng	Đôi	01
II	Quân trang thường xuyên		
1	Quân phục đồng sĩ quan cấp tướng	Suất	02
2	Quân phục hè sĩ quan cấp tướng	Suất	01
3	Quân phục dã chiến cấp tướng	Bộ	02
4	Áo sơ mi dài tay cấp tướng	Cái	02
5	Áo khoác quân sự cấp tướng	Cái	01
6	Mũ kê pi sĩ quan cấp tướng + Quân hiệu	Cái	01
7	Mũ dã chiến sĩ quan cấp tướng + Quân hiệu	Cái	01
8	Giày da sĩ quan cấp tướng	Đôi	01
9	Ghệt dã chiến sĩ quan cấp tướng	Đôi	01
10	Dây lưng cấp tướng	Cái	01
11	Cấp hiệu cấp tướng đồng bộ	Đôi	02
12	Phù hiệu cấp tướng đồng bộ	Đôi	02
13	Phù hiệu kết hợp cấp hiệu đồng bộ	Đôi	01
B	TIÊU CHUẨN QUÂN TRANG CỦA QUÂN NHÂN CHUYÊN CÔNG TÁC TỪ LỤC QUÂN, BIÊN PHÒNG VỆ HẢI QUÂN, PHÒNG KHÔNG KHÔNG QUÂN, CẢNH SÁT BIỂN VÀ NGƯỢC LẠI		
I	Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp		
1	Quân trang dự lễ		
1.1	Lễ phục	Bộ	02
1.2	Ca ra vát + Kẹp ca ra vát	Cái	01
1.3	Mũ kê pi + Quân hiệu	Cái	01
1.4	Giày da	Đôi	01
1.5	Phù hiệu, cấp hiệu (đồng bộ)	Bộ	01

TT	MẶT HÀNG	ĐVT	TIÊU CHUẨN CẤP LẦN ĐẦU
			Số lượng
2	Quân trang thường xuyên		
2.1	Quân phục đông	Suất	02
2.2	Quân phục hè	Suất	01
2.3	Quân phục dã chiến	Bộ	02
2.4	Áo sơ mi dài tay	Cái	02
2.5	Áo ấm	Cái	01
2.6	Áo khoác quân sự	Cái	01
2.7	Mũ kê pi + Quân hiệu	Cái	01
2.8	Mũ mềm dã chiến + Quân hiệu	Cái	01
2.9	Mũ cứng + Quân hiệu	Cái	01
2.10	Ca ra vát + Kẹp ca ra vát	Cái	01
2.11	Bít tất	Đôi	03
2.12	Giày vải	Đôi	01
2.13	Ghệt dã chiến	Đôi	01
2.14	Ba lô + Túi lót	Cái	01
2.15	Vỏ chăn cá nhân	Cái	01
2.16	Gối cá nhân	Cái	01
2.17	Dây lưng	Cái	01
2.18	Phù hiệu, cấp hiệu (đồng bộ)	Bộ	01
2.19	Phù hiệu kết hợp cấp hiệu (đồng bộ)	Đôi	01
II	Hạ sĩ quan, binh sĩ		
1	Quân trang thường xuyên		
1.1	Quân phục thường dùng	Bộ	02
1.2	Quân phục dã chiến	Bộ	02
1.3	Áo ấm	Cái	01
1.4	Bít tất	Đôi	03
1.5	Giày vải	Đôi	02
1.6	Ghệt dã chiến	Đôi	01
1.7	Mũ cứng + Quân hiệu	Cái	01
1.8	Mũ kê pi + Quân hiệu	Cái	01
1.9	Mũ mềm dã chiến + Quân hiệu	Cái	01
1.10	Ba lô + Túi lót	Cái	01
1.11	Vỏ chăn cá nhân	Cái	01
1.12	Gối cá nhân	Cái	01
1.13	Dây lưng	Cái	01
1.14	Phù hiệu, cấp hiệu (đồng bộ)	Bộ	02
1.15	Phù hiệu kết hợp cấp hiệu (đồng bộ)	Đôi	02
2	Quân trang chống rét		
	Mũ chống rét + quân hiệu	Cái	01

TT	MẶT HÀNG	ĐVT	TIÊU CHUẨN CẤP LẦN ĐẦU
			Số lượng
C	QUÂN NHÂN CHUYÊN CÔNG TÁC TỪ LỤC QUÂN, PHÁO BINH, CÔNG BINH, ĐẶC CÔNG, THÔNG TIN, TĂNG THIẾT GIÁP VỀ BIÊN PHÒNG VÀ NGƯỢC LẠI		
I	Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp		
1	Quân trang dự lễ		
1.1	Lễ phục	Bộ	02
1.2	Phù hiệu, cấp hiệu (đồng bộ)	Bộ	01
2	Quân trang thường xuyên		
2.1	Quân phục dã chiến	Bộ	02
2.2	Áo ấm	Cái	01
2.3	Mũ mềm dã chiến + Quân hiệu	Cái	01
2.4	Mũ kê pi + Quân hiệu	Cái	01
2.5	Ghệt dã chiến	Đôi	01
2.6	Ba lô + Túi lót	Cái	01
2.7	Vỏ chăn cá nhân	Cái	01
2.8	Gối cá nhân	Cái	01
2.9	Phù hiệu kết hợp cấp hiệu đồng bộ	Đôi	01
2.10	Phù hiệu, cấp hiệu (đồng bộ)	Bộ	02
II	Hạ sĩ quan, binh sĩ		
1	Quân phục dã chiến	Bộ	02
2	Mũ mềm dã chiến + Quân hiệu	Cái	01
3	Mũ kê pi + Quân hiệu	Cái	01
4	Ghệt dã chiến	Đôi	01
5	Ba lô + Túi lót	Cái	01
6	Vỏ chăn cá nhân	Cái	01
7	Gối cá nhân	Cái	01
8	Phù hiệu kết hợp cấp hiệu đồng bộ	Đôi	01
9	Phù hiệu, cấp hiệu (đồng bộ)	Bộ	02

Ghi chú:

- Đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp: Các mặt hàng cùng loại còn niên hạn sử dụng đã được cấp theo tiêu chuẩn sẽ không cấp lần đầu.

- Các mặt hàng cấp lần đầu được theo dõi niên hạn sử dụng như tiêu chuẩn quân trang thường xuyên theo quy định hiện hành.

- 01 suất quân phục đồng sĩ quan gồm: 01 bộ quân phục đồng + 01 áo chít gấu dài tay;

- 01 suất quân phục hạ sĩ quan gồm: 02 quần dài + 02 áo sơ mi;

- Phù hiệu, cấp hiệu (đồng bộ) gồm: 01 đôi nền phù hiệu, 01 đôi hình phù hiệu quân binh chủng; 01 đôi nền cấp hiệu, 01 đôi cúc chốt cấp hiệu; sao, gạch cấp hiệu theo cấp bậc quân hàm.

- Phù hiệu kết hợp cấp hiệu (đồng bộ) gồm: 01 đôi nền phù hiệu, 01 đôi hình phù hiệu quân binh chủng; sao, gạch cấp hiệu theo cấp bậc quân hàm.

- Mũ chống rét + Quân hiệu: Bảo đảm cho khu vực rét đậm và vùng rét 1.

Phụ lục VII
TIÊU CHUẨN QUÂN TRANG CỦA QUÂN NHÂN, CÔNG CHỨC,
CÔNG NHÂN VÀ VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG TỬ TRẦN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2026/TT-BQP ngày 25/5/2026
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Mặt hàng	ĐVT	Tiêu chuẩn	Ghi chú
I	SĨ QUAN, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP			
1	Lễ phục	Suất	01	
2	Bít tất	Đôi	01	
3	Găng tay trắng	Đôi	01	
4	Ca ra vát	Cái	01	
5	Kẹp ca ra vát	Cái	01	
7	Phù hiệu, cấp hiệu sĩ quan (đồng bộ)	Bộ	01	
8	Giày da	Đôi	01	
9	Quần áo lót	Suất	01	
II	CÔNG CHỨC, CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG			
1	Quần, áo dự lễ	Bộ	01	
3	Áo sơ mi trắng dài tay	Cái	01	Bảo đảm cho nam
4	Quần áo lót	Suất	01	
5	Bít tất	Đôi	01	
6	Găng tay trắng	Đôi	01	
7	Ca ra vát	Cái	01	Bảo đảm cho nam
8	Kẹp ca ra vát	Cái	01	Bảo đảm cho nam
9	Giày da	Đôi	01	
III	HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ			
1	Quần phục hạ sĩ quan, binh sĩ	Bộ	01	
2	Quần áo lót	Suất	01	
3	Bít tất	Đôi	01	
4	Găng tay trắng	Đôi	01	
6	Phù hiệu, cấp hiệu đồng bộ	Bộ	01	
7	Giày da	Đôi	01	

Ghi chú:

- 01 suất lễ phục gồm: 01 bộ lễ phục + 01 Áo sơ mi trắng dài tay;
- Quần, áo dự lễ:
 - + 01 bộ quần, áo dự lễ nam gồm: 01 áo khoác + 01 quần;
 - + 01 bộ quần áo dự lễ nữ gồm: 01 áo dài truyền thống + 01 quần.
- Phù hiệu, cấp hiệu đồng bộ gồm: 01 đôi Nền phù hiệu, 01 đôi hình quân binh chủng; 01 đôi nền cấp hiệu, 01 đôi cúc chốt cấp hiệu; sao, gạch cấp hiệu theo cấp bậc quân hàm.

Phụ lục VIII
TIÊU CHUẨN TRANG PHỤC VÀ NHU YẾU PHẨM
CỦA LỰC LƯỢNG NUÔI QUÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số **47** /2026/TT-BQP ngày **25** /**5** /2026
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Mặt hàng	ĐVT	Tiêu chuẩn	Niên hạn	Ghi chú
I	TIÊU CHUẨN TRANG PHỤC				
1	Quần áo nuôi quân	Bộ	02	01 năm	
2	Mũ nuôi quân	Cái	02	01 năm	
3	Tạp dề	Cái	02	01 năm	
4	Khăn mặt	Cái	02	01 năm	
5	Quần áo lót	Suất	02	01 năm	Nữ được cấp bằng tiền thay hiện vật
6	Khẩu trang hoạt tính	Cái	04	01 tháng	
7	Găng tay vải dày (bạt)	Đôi	04	01 năm	
8	Găng tay cao su	Đôi	04	01 năm	
9	Găng tay nilon chia thức ăn	Đôi	01	01 ngày	
10	Ủng cao su	Đôi	02	01 năm	
II	TIÊU CHUẨN NHU YẾU PHẨM				
1	Đường kính	Kg	01	01 tháng	
2	Sữa đặc	380g/hộp	02	01 tháng	
3	Xà phòng giặt	Kg	0,5	01 tháng	

Phụ lục IX
TIÊU CHUẨN QUÂN TRANG DÙNG CHUNG VÀ NHU YẾU PHẨM
CỦA NHÀ KHÁCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số **47**/2026/TT-BQP ngày **25/5**/2026
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

STT	Mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Niên hạn	Ghi chú
I	TIÊU CHUẨN QUÂN TRANG, TRANG BỊ DÙNG CHUNG				
1	Vỏ chăn	Cái	01	03 năm	
2	Ruột chăn bông	Cái	01	04 năm	Cấp vùng rét đậm và vùng rét 1
3	Gối	Cái	01	03 năm	
4	Đệm nằm	Cái	01	04 năm	
5	Ga bọc đệm nằm	Cái	01	02 năm	
6	Màn tuyen	Cái	01	03 năm	
7	Chiếu cá nhân	Cái	01	01 năm	
8	Dép nhựa	Đôi	01	01 năm	
9	Móc quần áo	Cái	04	02 năm	
10	Cây treo quần áo	Cái	01	03 năm	
II	TIÊU CHUẨN NHU YẾU PHẨM				
1	Xà phòng tắm	Gói/người/ngày	01		
2	Dầu gội đầu	Gói/người/ngày	01		
3	Kem đánh răng	Ống/người/ngày	01		
4	Bàn chải đánh răng	Cái/người/ngày	01		
5	Bàn cạo râu	Cái/người	01		
6	Lược	Cái/người	01		
7	Tăm bông	Gói (10 cái) /người/ngày	01		
8	Khăn mặt	Cái/người	01		
9	Khăn tắm	Cái/người	01	03 tháng	Cấp dùng chung
10	Xà phòng giặt	Gam/người/ngày	20		

